TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 21 tháng 9 năm 2026

BẢNG ĐIỂM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 34
Hình thức đào tạo không tập trung; Thời gian học từ ngày 27/5/2025 đến ngày 21/9/2026

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
1	Nông Thị Vân Anh	7,00	7,75	7,50	6,25	7,25	7,50	7,50	8,00	7,75	7,75	7,75	7,50	8,00	8,50	7,50	**7,56**	**Khá**	
2	Hoàng Thị Hoài Anh	7,50	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	6,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,75	7,75	8,50	7,67	**7,60**	**Khá**	
3	Hoàng Văn Biên	7,00	7,50	7,50	6,75	7,00	7,75	6,25	7,00	7,25	7,75	7,50	7,25	7,50	8,75	7,50	**7,37**	**Khá**	
4	Triệu Thị Bình	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	7,75	8,00	8,25	8,25	8,25	7,50	8,00	9,00	8,25	**8,07**	**Giỏi**	
5	Nông Văn Chấn	7,75	7,25	7,00	7,25	7,25	7,50	7,00	7,50	7,50	7,50	7,75	7,25	7,50	8,50	7,67	**7,50**	**Khá**	
6	Tô Quỳnh Châu	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,50	7,50	8,00	8,00	8,00	7,00	7,00	6,50	8,75	7,42	**7,65**	**Khá**	
7	Nguyễn Đình Chiến	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	6,50	6,75	7,00	7,50	7,75	7,75	7,50	8,00	9,00	7,25	**7,59**	**Khá**	
8	Nông Văn Đạt	7,50	8,00	7,75	6,50	8,00	8,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	8,00	8,50	7,75	**7,71**	**Khá**	
9	Trần Thùy Dương	7,75	8,25	7,75	7,25	7,00	7,25	7,50	7,75	7,75	7,75	7,50	7,50	7,75	8,50	7,92	**7,71**	**Khá**	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
10	Ngân Bích Duyên	6,75	7,00	7,75	6,50	6,75	7,00	6,75	7,00	7,50	8,00	8,00	5,00	7,25	8,75	7,25	**7,16**	**Khá**	
11	Ngân Thế Duyệt	8,00	8,25	8,00	8,25	7,50	8,00	7,75	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	**8,06**	**Giỏi**	
12	Lãnh Ngọc Hiên	6,75	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	8,00	8,00	8,00	7,50	9,00	7,33	**7,38**	**Khá**	
13	Lê Thị Hiền	7,75	7,50	7,75	7,25	7,50	7,75	8,00	8,00	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	8,50	7,75	**7,71**	**Khá**	
14	Triệu Quang Hiệp	7,25	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50	7,25	7,25	8,50	7,50	**7,38**	**Khá**	
15	Nông Thị Hiệu	7,50	7,75	7,50	7,00	7,50	7,75	7,75	8,00	7,50	7,25	7,75	7,50	7,50	8,75	7,42	**7,60**	**Khá**	
16	Nông Trịnh Hổ	8,00	8,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50	7,50	7,25	7,00	8,50	7,83	**7,47**	**Khá**	
17	Hà Mộng Hoa	8,00	8,25	8,00	6,50	8,00	7,50	7,25	8,00	8,00	7,50	8,00	7,50	8,00	8,75	7,42	**7,74**	**Khá**	
18	Lương Văn Hợi	6,75	7,50	7,50	6,00	6,75	7,00	6,50	7,25	7,25	7,50	8,00	7,25	7,00	8,50	7,17	**7,19**	**Khá**	
19	Nông Thị Thúy Hồng	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	9,00	8,25	**8,07**	**Giỏi**	
20	Đàm Thị Thu Huế	7,25	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	**8,06**	**Giỏi**	
21	Vũ Thu Hương	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,25	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	**8,18**	**Giỏi**	
22	Nông Thu Hương	8,00	8,25	8,00	8,00	7,50	8,00	8,25	8,25	8,00	7,75	8,25	8,00	8,25	8,50	8,25	**8,10**	**Giỏi**	
23	Đinh Thị Huyền	7,50	7,75	8,00	7,75	8,00	8,25	8,25	7,00	7,50	7,75	7,75	8,00	8,00	8,50	7,92	**7,87**	**Khá**	
24	Đàm Thị Huyền	7,50	7,50	8,00	7,50	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	7,25	8,00	7,50	7,75	8,75	7,42	**7,65**	**Khá**	
25	Ma Thị Huyền	7,25	7,75	8,25	7,25	7,50	8,00	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	7,50	7,75	8,75	7,58	**7,78**	**Khá**	
26	Cao Thanh Kiều	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,75	9,00	8,00	**8,03**	**Giỏi**	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
27	Lục Hồng Kỳ	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,25	8,00	8,00	8,25	8,00	7,75	9,00	8,25	**8,04**	**Giỏi**	
28	Phùng Thị Hồng Lan	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	7,75	8,25	7,50	8,25	8,00	7,50	7,50	8,25	8,50	8,25	**7,97**	**Khá**	
29	Thân Thị Lan	8,00	8,00	7,00	8,00	7,75	8,00	7,50	8,00	7,50	7,75	7,25	7,50	7,50	8,50	7,58	**7,71**	**Khá**	
30	Lâm Thị Lan	7,00	7,75	7,75	6,75	7,50	7,75	7,25	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	7,75	8,50	7,50	**7,63**	**Khá**	
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	8,00	8,00	8,00	7,00	8,00	7,75	8,00	7,50	7,00	7,50	7,25	8,00	7,75	8,50	7,92	**7,77**	**Khá**	
32	Hứa Văn Lập	7,75	7,50	7,75	7,50	8,00	7,50	7,75	7,25	7,00	7,25	7,50	8,00	7,75	8,50	7,50	**7,62**	**Khá**	
33	Nông Thùy Linh	8,00	8,25	7,50	8,00	7,75	7,50	8,00	8,00	7,50	7,75	7,25	8,00	7,25	8,75	7,83	**7,82**	**Khá**	
34	Nguyễn Thị Linh	7,50	8,00	7,50	7,75	7,75	7,00	7,50	7,50	7,75	8,00	7,50	7,50	8,00	8,50	7,92	**7,74**	**Khá**	
35	Lương Quang Linh	7,00	7,00	7,25	6,75	7,50	8,00	7,75	7,00	7,00	7,25	7,00	7,50	7,00	8,75	7,50	**7,37**	**Khá**	
36	Nguyễn Thùy Mai	7,75	8,25	7,00	7,75	7,50	7,50	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,50	8,50	7,58	**7,73**	**Khá**	
37	Lý Thị Ngọc Mai	8,00	8,25	7,00	8,00	7,50	7,50	8,25	8,00	7,75	8,25	7,75	8,00	7,75	8,75	8,00	**7,93**	**Khá**	
38	Phạm Đại Nam	8,00	8,25	8,00	7,50	7,50	8,00	7,50	8,00	7,75	8,25	8,25	8,00	8,00	9,00	8,00	**8,00**	**Giỏi**	
39	Linh Thị Ngà	7,50	7,50	7,50	7,00	7,50	7,50	7,75	8,00	7,75	8,00	7,75	7,75	7,75	8,50	7,67	**7,69**	**Khá**	
40	Nông Đình Nghĩa	7,00	7,50	8,00	7,75	7,75	7,25	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	7,75	7,50	8,75	7,58	**7,59**	**Khá**	
41	Bùi Thị Hồng Ngọc	7,00	7,25	7,25	7,00	8,00	8,00	8,00	8,25	7,75	7,75	7,50	7,75	7,75	8,75	7,92	**7,75**	**Khá**	
42	Nông Thị Hồng Ngọc	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,25	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	**8,21**	**Giỏi**	
43	Đào Ánh Nguyệt	7,50	8,00	7,50	7,00	7,75	8,00	7,75	8,25	8,25	8,25	8,25	8,25	8,25	9,00	8,50	**8,09**	**Giỏi**	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
44	Vi Thị Nhung	7,75	7,50	7,75	7,50	7,75	7,50	7,75	7,25	7,50	7,25	7,75	7,25	7,50	8,50	7,58	**7,60**	**Khá**	
45	Hoàng Thị Hồng Nhung	7,50	7,50	8,00	7,75	7,50	7,50	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	7,75	8,50	7,92	**7,81**	**Khá**	
46	Vi Minh Quang	8,00	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	7,00	7,75	7,25	8,00	8,50	7,33	**7,60**	**Khá**	
47	Tô Thị Quyên	7,50	7,50	7,50	7,75	7,75	7,00	8,00	8,00	7,75	7,00	8,00	7,75	8,00	8,50	7,42	**7,66**	**Khá**	
48	Đinh Văn Tập	7,50	7,00	6,75	6,50	6,75	6,00	7,00	7,00	7,25	7,75	7,25	7,00	7,25	8,75	7,33	**7,16**	**Khá**	
49	Nguyễn Hữu Thắng	7,75	8,00	7,25	7,50	6,75	7,25	7,50	8,00	7,00	6,50	7,50	7,00	7,50	8,50	7,42	**7,43**	**Khá**	
50	Long Văn Thành	8,00	8,25	8,00	7,00	7,75	7,00	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	9,00	7,83	**7,87**	**Khá**	
51	Đàm Hải Thao	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00							8,50				**Bảo lưu**
52	Nông Thị Minh Thu	8,00	8,00	7,25	8,00	7,25	6,00	7,50	8,00	7,00	6,75	7,50	7,75	7,75	8,50	7,58	**7,53**	**Khá**	
53	Đặng Thanh Thùy	7,75	8,00	7,75	7,25	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,25	8,25	8,25	8,25	9,00	8,00	**8,01**	**Giỏi**	
54	Đàm Thị Thủy	7,00	7,75	7,25	6,50	7,00	7,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	8,50	7,50	**7,44**	**Khá**	
55	Lê Thanh Thủy	8,00	7,50	7,50	7,50	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	7,75	8,00	8,50	7,33	**7,75**	**Khá**	
56	Đàm Thanh Tình	7,50	7,75	7,50	7,25	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	7,00	7,75	7,50	7,75	8,50	7,92	**7,66**	**Khá**	
57	Thang Thành Trung	7,50	7,25	7,75	7,50	7,50	7,50	7,75	7,50	7,75	7,25	8,25	7,50	7,75	8,50	7,83	**7,69**	**Khá**	
58	Nguyễn Minh Tuấn	7,00	7,00	6,75	6,50	7,00	6,50	6,50	7,00	7,00	8,00	8,00	7,50	7,50	8,75	7,25	**7,22**	**Khá**	
59	Phạm Minh Tuấn	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	7,00	7,50	7,50	7,50	9,00	7,75	**7,74**	**Khá**	
60	Lưu Đức Tùng	7,75	7,75	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,75	8,50	7,83	**7,79**	**Khá**	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
61	Trần Văn Việt	7,25	8,00	7,50	7,25	7,50	7,00	8,00	8,00	7,75	7,50	7,75	8,00	8,00	8,50	7,75	**7,72**	**Khá**	
62	Nguyễn Thị Xuân	7,50	7,50	7,75	7,25	8,00									8,50				**Bảo lưu**

Danh sách ấn định: 62 học viên, được xếp loại 60 học viên.

Tổng hợp xếp loại học tập:

Loại giỏi: Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 điểm đến dưới 9,00 điểm: 12 học viên, bằng 20,0%.

Loại khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 điểm đến dưới 8,00 điểm: 48 học viên, bằng 80,0%./.

GHI ĐIỂM

Đoàn Thị Kim Liên

PHÒNG QL ĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Phương

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG

Hoàng Việt Hưng